

## QUYẾT ĐỊNH

### Công khai bổ sung dự toán ngân sách năm 2024

Căn cứ điều lệ trường trung học cơ sở, trường phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/09/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ theo Thông tư số 09/2024/TT-BGGĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ theo Thông tư số 36/2017/TT-BGGĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục đào tạo hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT BTC ngày 28/9/2018 Sửa đổi một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán nhà trường.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai bổ sung dự toán ngân sách năm 2024 của Trường THPT Hoàn Bồ. (Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Địa điểm công khai phòng họp hội đồng, bảng thông báo, trang website của nhà trường.

**Điều 3.** Các ông (bà) Ban giám hiệu, Tổ trưởng chuyên môn, tổ văn phòng, giáo viên, nhân viên, các ông (bà) có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

### Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Sở Giáo dục QN;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu :VT, KT.



Nguyễn Thị Định

Số: 1575/QĐ-SGDĐT

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 11 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh dự toán kinh phí không tự chủ năm 2024 của các đơn vị  
sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

### GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024;

Quyết định số 123/QĐ-SGDĐT ngày 19/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (Đợt 1);

Quyết định số 158/QĐ-SGDĐT ngày 02/02/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc phân bổ dự toán mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu năm 2024 cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Quyết định số 272/QĐ-SGDĐT ngày 20/3/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc phân bổ dự toán kinh phí chi ngân sách nhà nước năm 2024 thực hiện bảo trì, sửa chữa CSVN cho 7 trường THPT trực thuộc Sở GD&ĐT;

Quyết định số 934/QĐ-SGDĐT ngày 08/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc cấp bổ sung dự toán mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu năm 2024 cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Quyết định số 976/QĐ-SGDĐT ngày 15/8/2024 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của trưởng phòng Kế hoạch tài chính.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Điều chỉnh dự toán kinh phí không tự chủ năm 2024 của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (chi tiết theo Phụ lục đính kèm) như sau:

- Điều chỉnh giảm: (1) Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú cho 15 đơn vị: 619,289 triệu đồng; (2) Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật cho 02 đơn vị: 21,899 triệu đồng; (3) Sửa chữa cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc: 10.448 triệu đồng; (4) Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới: 4.193,983 triệu đồng; (5) Hoạt động chuyên môn: 3.037,430 triệu đồng; (6) Hội khoẻ Phù đổng: 5.750 triệu đồng; (7) Tập huấn cho giáo viên chương trình GDPT mới: 702 triệu đồng.

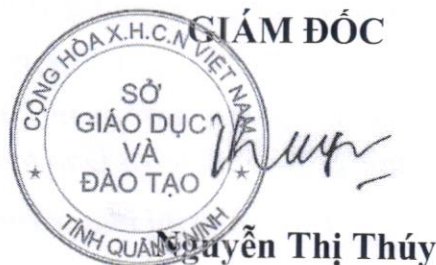
- Điều chỉnh tăng: (1) Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú cho 19 đơn vị: 7.686,261 triệu đồng; (2) Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật cho 31 đơn vị: 2.952,746 triệu đồng; (3) Chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT 4.814,138 triệu đồng; (4) Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động): 4.116,511 triệu đồng; (5) Thực hiện Nghị quyết 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021: 1.003,160 triệu đồng; (6) Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động và hợp đồng dịch vụ đối với một số loại công việc theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ: 203,785 triệu đồng; (7) Khen thưởng toàn ngành: 3.996 triệu đồng.

**Điều 2.** Căn cứ dự toán sau khi điều chỉnh đơn vị sử dụng ngân sách lập 03 phiếu điều chỉnh dự toán làm cơ sở nhập điều chỉnh dự toán trên hệ thống Tabmis và công khai dự toán theo quy định. Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí và thanh quyết toán đảm bảo quy định và tiết kiệm, hiệu quả.

**Điều 3.** Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị tại Điều 1 và các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN tỉnh( huyện, thị xã, thành phố);
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- Lưu: VT, KHTC 07.



Ký bởi: Chu Việt Phương

Ký bởi: Nguyễn Thị Hồng Ninh









STT	Tên đơn vị	Kinh phí điều chỉnh tăng	Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	Chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	Trong đó	Thực hiện Nghị quyết 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021	Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động và hợp đồng dịch vụ đối với một số loại công việc theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ	Khen thưởng toàn ngành
	<b>Tổng cộng</b>	<b>24.772,601</b>	<b>7.686,261</b>	<b>4.814,138</b>	<b>2.952,746</b>	<b>4.116,511</b>	<b>1.003,160</b>	<b>203,785</b>	<b>3.996</b>
1	Trường THPT Bạch Đằng	256,698		104,000		152,698			
2	Trường THPT Bãi Cháy	237,913		87,253		150,660			
3	Trường THPT Cẩm Phả	468,269		213,602		254,667			
4	Trường THPT Cửa Ông	189,860	19,860		170,000				
5	Trường THPT Đông Thành	202,534		34,021		168,513			
6	Trường THPT Đông Triều	532,959		247,676		285,283			
7	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	246,432	11,700		82,000	152,732			
8	Trường THPT Hoàng Quốc Việt	257,812	6,700		216,000	35,112			
9	Trường THPT Hoàng Văn Thụ	210,016			62,434	147,582			
10	Trường THPT Hoàng Bô	175,896	100,820		35,000	40,076			
11	Trường THPT Hòn Gai	734,482			313,000	321,977	99,505		
12	Trường THPT Lê Chân	0,000							
13	Trường THPT Lê Hồng Phong	25,662	15,150		10,512				
14	Trường THPT Lê Quý Đôn	261,735	131,945		45,000	84,790			
15	Trường THPT Lý Thường Kiệt	164,724			23,575	141,149			
16	Trường THPT Minh Hà	175,820			70,000	105,820			



17	Trường THPT Mông Dương	427,998	211,078			30,000	186,920				
18	Trường THPT Ngô Quyền	161,393				87,000	74,393				
19	Trường PT DTNT THCS và THPT Tỉnh	4.400,840	44,660	4.158,930			65,250			132,000	
20	Trường THPT Chuyên Hạ Long	1.329,437					353,997		903,655	71,785	
21	Trường THPT Trần Phú	272,579	12			36,176	224,403				
22	Trường THPT Uông Bí	286,461				85,511	200,950				
23	Trường THPT Vũ Văn Hiếu	171,188				27,652	143,536				
24	Trung tâm HN & GD TX Tỉnh										
25	Trường THPT Dầm Hà	438,405	185,524			37,100	215,781				
26	Trường THCS & THPT Đường Hoa Cương	388,797	227,529			36,694	124,574				
27	Trường THCS & THPT Hải Đông	200,327	98,327			102,000					
28	Trường THPT Quảng Hà	321,868				35,000	286,868				
29	Trường THPT Tiên Yên	446,459	235,100			200,727	10,632				
30	Trường PT DTNT THCS & THPT Tiên Yên	655,208		655,208			0,000				
31	Trường THPT Ba Chẽ	326,458	197,534			56,520	72,404				
32	Trường THPT Bình Liêu	2,127				2,127	0,000				
33	Trường THPT Cô Tô	111,025	55,128				55,897				
34	Trường THCS & THPT Hoàng Mô	661,626	506,665			142,301	12,660				
35	Trường THCS & THPT Quan Lạn	280,678	247,168			33,510					
36	Trường THCS & THPT Quảng La	261,542				214,355	47,187				
37	Trường THPT Hải Đảo	554,373	442,373			112					
38	Cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo	8,933	4,937								3,996

STT	Tên đơn vị	Kinh phí điều chỉnh giảm	Trong đó							Tập huấn cho giáo viên chương trình GDPT mới (Đã trừ tiết kiệm 5% theo QĐ số 2913/QĐ-UBND ngày 09/10/2024)
			Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	Sửa chữa cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc(Đã trừ tiết kiệm 5% theo QĐ số 2913/QĐ-UBND ngày 09/10/2024)	Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	Hoạt động chuyên môn (Đã trừ tiết kiệm 5% theo QĐ số 2913/QĐ-UBND ngày 09/10/2024)	Hội khoẻ Phù đổng (Đã trừ tiết kiệm 5% theo QĐ số 2913/QĐ-UBND ngày 09/10/2024)		
		25=26+...31	26	27	28		29	30	31	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>-24.772,601</b>	<b>-619,289</b>	<b>-21,899</b>	<b>-10,448</b>	<b>-4,193,983</b>	<b>-3,037,430</b>	<b>-5,750,000</b>	<b>-702,000</b>	
1	Trường THPT Bạch Đằng	-1.192,200	-55,675			-1.136,525				
2	Trường THPT Bãi Cháy	-6.697,957	-69,725		-5.700	-928,232				
3	Trường THPT Cẩm Phả	-468,515	-47,062			-421,453				
4	Trường THPT Cửa Ông	-5.095,625			-4.655	-440,625				
5	Trường THPT Đông Thành	-266,501	-7		-93	-166,501				
6	Trường THPT Đông Triều	-782,486	-14,613			-767,873				
7	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	-332,774				-332,774				
8	Trường THPT Hoàng Quốc Việt									
9	Trường THPT Hoàng Văn Thụ	-64,275	-64,275							
10	Trường THPT Hoàng Bồ									

11	Trường THPT Hòa Giai	-18,508	-18,508						
12	Trường THPT Lê Chân								
13	Trường THPT Lê Hồng Phong								
14	Trường THPT Lê Quý Đôn								
15	Trường THPT Lý Thường Kiệt	-9,462	-9,462						
16	Trường THPT Minh Hà	-32,250	-32,250						
17	Trường THPT Mông Dương								
18	Trường THPT Ngô Quyền								
19	Trường PT DTNT THCS và THPT Tỉnh								
20	Trường THPT Chuyên Hà Long								
21	Trường THPT Trần Phú								
22	Trường THPT Lương Bí	-19,435	-19,435						
23	Trường THPT Văn Văn Hiếu	-14,363	-14,363						
24	Trung tâm HN & GD TX Tỉnh	-21,390	-1	-20,390					
25	Trường THPT Dàm Hà								
26	Trường THCS & THPT Dương Hoa Cương								
27	Trường THCS & THPT Hải Đông								
28	Trường THPT Quảng Hà	-35,925	-35,925						



Trong đó

STT	Tên đơn vị	Dự toán kinh phí sau điều hoà												
		Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	Chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BCDDT	Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	Đào tạo, bồi dưỡng học sinh sách thư viện, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	Sửa chữa cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc (bao gồm cả kinh phí tiết kiệm 5% giữ tại KB)	Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới (bao gồm cả kinh phí tiết kiệm 5% giữ tại KB)	Thực hiện Nghị quyết 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021	Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động và hợp đồng dịch vụ đối với một số loại công việc theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ	Khen thưởng toàn ngành	Hoạt động chuyên môn (bao gồm cả kinh phí tiết kiệm 5% giữ tại KB)	Hội thảo (bao gồm cả kinh phí tiết kiệm 5% giữ tại KB)	Tập huấn cho giáo viên chương trình GDPT mới (bao gồm cả kinh phí tiết kiệm 5% giữ tại KB)	
		34=1+17+25+33	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	46	47
	<b>Tổng cộng</b>	<b>174.177</b>	<b>31.202,972</b>	<b>21.076,138</b>	<b>8.740,847</b>	<b>13.544,511</b>	<b>12.170</b>	<b>32.877,542</b>	<b>15.892,160</b>	<b>2.106,785</b>	<b>11.500</b>	<b>18.757,045</b>	<b>5.227</b>	<b>1.082</b>
1	Trường THPT Bạch Đằng	1.411,316	38,325		384	464,698		524,293						
2	Trường THPT Bãi Cháy	1.901,473	78,275		481,253	478,660	300	563,285				51,223		
3	Trường THPT Cẩm Phả	1.713,417	120,938		567,602	610,667	245	362,987						
4	Trường THPT Cửa Ông	1.547,767	710,860		320	170		101,907						
5	Trường THPT Đông Thành	1.817,438	33		288,021	383,513	887	136,126				89,778		
6	Trường THPT Đông Triều	1.284,296	58,387		433,676	577,283		214,950						
7	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	1.171,793	59,700		128	367,732		540,688				75,673		
8	Trường THPT Hoàng Quốc Việt	2.268,711	59,700		343	306,112		1.559,899						
9	Trường THPT Hoàng Văn Thụ	2.119,383	50,725		160,434	345,582	980	582,642						
10	Trường THPT Hoàng Bồ	1.565,451	351,820		255	283,076		675,555						

11	Trưởng THPT Hòn Gai	5.531,414	115,492		731	775,977			3.374,440	534,505					
12	Trưởng THPT Lê Chân	1.178,786	75		215	270			618,786						
13	Trưởng THPT Lê Hồng Phong	1.219,584	35,150		266,512	170			747,922						
14	Trưởng THPT Lê Quý Đôn	2.239,451	829,945		282	282,790			844,716						
15	Trưởng THPT Lý Thường Kiệt	1.226,976	41,538		107,575	336,149			741,714						
16	Trưởng THPT Minh Hà	4.116,071	23,750		220	449,820	2.400		1.022,501						
17	Trưởng THPT Mông Dương	2.010,358	920,078		142	356,920			591,360						
18	Trưởng THPT Ngô Quyền	2.564,127	167		520	317,393			1.485,807				73,927		
19	Trưởng PT DTNT THCS và THPT Tỉnh	14.513,281	937,660	11.051,930		263,250			1.157,441		1.103				
20	Trưởng THPT Chuyên Hạ Long	18.553,621	46			896,997			2.097,530	15.357,655	72			83,654	
21	Trưởng THPT Trần Phú	2.587,166	968		297,176	560,403			708,820					52,767	
22	Trưởng THPT Ưông Bí	2.492,465	93,565		361,511	528,950			1.425,061					83,378	
23	Trưởng THPT Vũ Văn Hiếu	1.370,517	42,637		147,652	341,536			838,692						
24	Trung tâm HN & GDTX Tỉnh	1.125,330	11		7,610	190			916,720						
25	Trưởng THPT Đàm Hà	1.577,113	465,524		125,100	525,781			460,708						
26	Trưởng THCS & THPT Đường Hoa Cường	2.209,591	1.313,529		80,694	324,574			490,794						
27	Trưởng THCS & THPT Hải Đông	1.261,040	379,327		207	273			401,713						



Số: 1668/QĐ-SGDĐT

Quảng Ninh, ngày 04 tháng 12 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao bổ sung dự toán kinh phí năm 2024 cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

### GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 08/10/2020;

Căn cứ Quyết định số 3489/QĐ-UBND ngày 03/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc cấp bổ sung dự toán cho các cơ quan, đơn vị kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Giao bổ sung kinh phí cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo để thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP năm 2024, bao gồm:

- Kinh phí tự chủ để thực hiện mức lương cơ sở: 29.530 triệu đồng;
- Kinh phí không tự chủ để chi chế độ tiền thưởng: 9.211 triệu đồng.

(Biểu chi tiết kèm theo Quyết định).

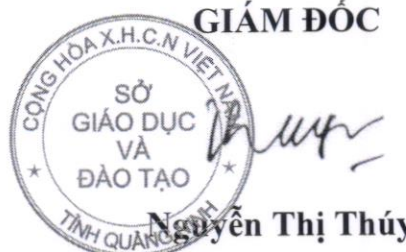
Nguồn kinh phí cải cách tiền lương, dự toán ngân sách tỉnh năm 2024

**Điều 2.** Căn cứ dự toán được giao, đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện phân khai kinh phí theo đúng mục đích, chế độ, chính sách hiện hành. Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và quyết toán ngân sách theo đúng quy định của luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

#### Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN tỉnh (huyện, thị xã, thành phố);
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- Lưu: VT, KHTC7.





**DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024**

**Đơn vị: Trường trung học phổ thông Hoàn Bò**

**Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1040497-422-070-074-864**

**Mã KBNN nơi giao dịch: 2811**

*(Kèm theo Quyết định số 668/QĐ-SGDĐT ngày 04/12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)*

*Đơn vị tính: triệu đồng*

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Tổng số</b>
<b>I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	
<b>1. Số thu phí, lệ phí</b>	
- Học phí	
- Thu khác	
<b>2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại ( Sau khi trích nguồn CCTL)</b>	
- Học phí	
- Thu khác	
<b>3. Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>	
<b>II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)</b>	<b>1.135</b>
<b>1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao</b>	<b>1.135</b>
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	856
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	279
- Chi chế độ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	279
<b>2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên ( trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh</b>	

Số: 1585/QĐ-SGDĐT

Quảng Ninh, ngày 14 tháng 11 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, phân bổ dự toán ngân sách tỉnh năm 2024 của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

### GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung, điều chỉnh, phân bổ dự toán ngân sách tỉnh năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2763/QĐ-UBND ngày 28/9/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, phân bổ dự toán ngân sách tỉnh năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 123/QĐ-SGDĐT ngày 19/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (Đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 158/QĐ-SGDĐT ngày 02/02/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc phân bổ dự toán mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu năm 2024 cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 934/QĐ-SGDĐT ngày 08/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc cấp bổ sung dự toán mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu năm 2024 cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 976/QĐ-SGDĐT ngày 15/8/2024 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông báo số 100/TB-UBND ngày 03/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết luận phiên họp thường kỳ tháng 5 năm 2024;

Căn cứ công văn số 5147/VP.UBND-KTTC ngày 28/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc kinh phí hưởng phụ cấp thâm niên nhà giáo lần đầu;

*Công văn số 5922/STC-TCHCSN ngày 11/11/2024 của Sở Tài chính về việc sử dụng nguồn kinh phí được giao đầu năm để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh trong năm.*

*Theo đề nghị của trưởng phòng Kế hoạch tài chính.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh, phân bổ dự toán ngân sách tỉnh năm 2024 cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (chi tiết theo Phụ lục đính kèm) như sau:

1. Điều chỉnh kinh phí thực hiện tự chủ (Theo phụ lục số 01):

- Điều chỉnh giảm kinh phí của 11 đơn vị: 5.663,21 triệu đồng, trong đó: Dự toán kinh phí cấp cho các đơn vị chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị: 5.656,21 triệu đồng; Kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên giữ lại ngân sách cấp tỉnh: 7 triệu đồng;

- Điều chỉnh tăng kinh phí cho 8 đơn vị: 5.663,21 triệu đồng, trong đó: Dự toán kinh phí cấp cho các đơn vị chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị: 5.656,21 triệu đồng; Kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên giữ lại ngân sách cấp tỉnh: 7 triệu đồng;

2. Điều hoà kinh phí không thực hiện tự chủ cho các nhiệm vụ phát sinh (Theo phụ lục số 02):

- Điều chỉnh giảm kinh phí mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới: 5.323,616 triệu đồng;

- Điều chỉnh tăng: (1) Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh: 128 triệu đồng; (2) Sửa chữa, bảo trì thường xuyên tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học (Quy định tại Nghị quyết 136/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh): 2.712 triệu đồng; (3) Kinh phí chi trả phụ cấp thâm niên nhà giáo từ tháng 5/2019 đến tháng 12/2024: 2.132,272 triệu đồng; (4) Chính sách thu hút sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ: 97,344 triệu đồng; (5) Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Sửa chữa khu nhà B trường THPT Đông Thành: 54 triệu đồng; (6) Hoạt động chuyên môn (các nhiệm vụ phát sinh do Bộ tổ chức): 200 triệu đồng.

3. Điều chỉnh giảm dự toán kinh phí mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu đã phân bổ tại Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh: 1.580,8 triệu đồng (Theo phụ lục số 03).

**Điều 2.** Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu:

1. Phòng Tổ chức cán bộ và Kiểm định chất lượng chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc đề xuất đối tượng, thời gian và tỷ lệ hưởng phụ cấp thâm niên nhà giáo đảm bảo đúng Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính Phủ.

2. Thủ trưởng đơn vị được giao bổ sung dự toán chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc quản lý, sử dụng, công khai kinh phí đúng mục tiêu, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm; tuyệt đối không để xảy ra tình trạng tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, thất thoát ngân sách nhà nước.

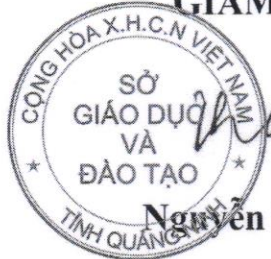
**Điều 3.** Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Phòng Tổ chức cán bộ và kiểm định chất lượng, Thủ trưởng các đơn vị tại Điều 1 và các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN tỉnh( huyện, thị xã, thành phố);
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- Lưu: VT, KHTC 07.

Ký bởi: Nguyễn Thị Hồng Ninh

Ký bởi: Chu Việt Phương

**GIÁM ĐỐC**  
  
**Nguyễn Thị Thúy**

**PHỤ LỤC SỐ 01: ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ TỰ CHỦ NĂM 2024 GIAO CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ**

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Dự toán kinh phí được giao tại Quyết định 123/QĐ-SGDĐT ngày 19/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo	Trong đó		Dự toán giao bổ sung theo QĐ 976/QĐ-SGDĐT ngày 15/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo	Điều chỉnh Dự toán kinh phí cấp cho các đơn vị chi lương, các khoản theo khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị		Điều chỉnh kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên giữ lại ngân sách cấp tỉnh		Dự toán kinh phí sau điều hoà		Trong đó	
			Dự toán kinh phí cấp cho các đơn vị chi lương, các khoản theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên giữ lại ngân sách cấp tỉnh		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Dự toán kinh phí cho các đơn vị chi lương, các khoản theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của đơn vị	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên giữ lại ngân sách cấp tỉnh sau điều chỉnh		
1	2	3=4+5	4	5	9	10	11	12	13	14=6-3-9	15=7-4-9-10-11	16=8-5-12-13	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>161.718</b>	<b>158.471</b>	<b>3.247</b>	<b>3.004,0</b>	<b>-5.656,21</b>	<b>5.656,21</b>	<b>-7,0</b>	<b>7,0</b>	<b>161.475,0</b>	<b>3.247,0</b>		
1	Trường THPT Ưông Bí	11.706	11.472	234			1.118,8			12.824,8	234,0		
2	Trường THPT Vũ Văn Hiếu	6.672	6.539	133			739,8			7.411,8	133,0		
3	Trung tâm HN&GDTX tỉnh	4.475	4.386	89		-160,1				4.314,9	89,0		
4	Trường THPT Quảng Hà	8.559	8.388	171			728,9			9.287,9	171,0		
5	Trường PT DTNT THCS&THPT tỉnh	10.521	10.312	209	200,3	-1.064,5				9.656,8	209,0		
6	Trường THPT Chuyên Hạ Long	25.113	24.611	502	681,0	-991,9				24.802,1	502,0		

7	Trường THPT Đầm Hà	10.236	10.033	203	160,2		-496,9			9.899,3	9.696,3	203,0
8	Trường THCS&THPT Đường Hoa Cương	6.335	6.209	126	40,1			103,2		6.478,3	6.352,3	126,0
9	Trường THCS-THPT Hải Đông	7.373	7.227	146	480,7		-403,2			7.450,5	7.304,5	146,0
10	Trường THCS&THPT Tiên Yên	6.987	6.848	139	200,3			2.292,6		9.479,9	9.340,9	139,0
11	Trường PT DTNT THCS&THPT Tiên Yên	8.543	8.373	170	160,2		-414,8			8.288,4	8.118,4	170,0
12	Trường THPT Ba Chẽ	6.361	6.228	133	240,3			149,6		6.750,9	6.617,9	133,0
13	Trường THPT Bình Liêu	7.804	7.641	163	120,2		-521,5		-2,0	7.400,7	7.239,7	161,0
14	Trường THPT Cô Tô	5.970	5.846	124	80,0		-459,3			5.590,7	5.466,7	124,0
15	Trường THCS&THPT Hoàng M6	9.029	8.841	188	200,3		-374,4			8.854,9	8.666,9	188,0
16	Trường THCS-THPT Quan Lạn	7.313	7.168	145	80,0		-68,5		7,0	7.331,5	7.179,5	152,0
17	Trường THCS-THPT Quảng La	7.474	7.326	148	80,0		-701,0		-5,0	6.848,0	6.705,0	143,0
18	Trường THPT Hải Đảo	11.247	11.023	224	280,4			523,3		12.050,7	11.826,7	224,0

**PHỤ LỤC SỐ 02: ĐIỀU HOÀ KINH PHÍ KHÔNG TỰ CHỦ NĂM 2024 CỦA CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

ST T	Tên đơn vị	Dự toán giao tại QĐ 158/QĐ- SGDDT ngày 02/2//2024 QĐ 934/QĐ- SGDDT ngày 08/8//2024	Kinh phí điều chỉnh tăng	Trong đó						Kinh phí điều chỉnh giảm (Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới)
				Sửa chữa, bảo trì thường xuyên tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học	Chi trả tiền phụ cấp thâm niên nhà giáo từ tháng 05/2019 đến tháng 12/2024	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 25/2023 /NQ- HĐND ngày 08/12/2 023 của HĐND tỉnh	Chinh sách thu hút sinh viên tốt nghệ xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ	Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Sửa chữa khu nhà B trường THPT Đông Thành	Hoạt động chuyên môn ( các nhiệm vụ phát sinh do Bộ tổ chức)	
		1	$2=3+4+5+6+7+8$	3	4	5	6	7	8	9
	<b>Tổng cộng</b>	<b>8.691,942</b>	<b>5.323,616</b>	<b>2.712</b>	<b>2.132,272</b>	<b>128</b>	<b>97,344</b>	<b>54</b>	<b>200</b>	<b>-5.323,616</b>
1	Trường THPT Bạch Đằng		249,961	116	133,961					
2	Trường THPT Bãi Cháy		163,839		163,839					
3	Trường THPT Cẩm Phả		82,309		82,309					
4	Trường THPT Cửa Ông		22,035		22,035					
5	Trường THPT Đông Thành		238,650		184,650			54		
6	Trường THPT Đông Triều		37,689		37,689					
7	Trường THPT Hoàng Hoa Thám		258,621	250	8,621					
8	Trường THPT Hoàng Quốc Việt	1.559,899	328,200	250	78,200					-1.089,550







STT	Tên đơn vị	Dự toán kinh phí sau điều hoà	Trong đó						
			Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới (bao gồm cả kinh phí tiết kiệm 5% giữ tại KB)	Sửa chữa, bảo trì trường, cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học	Chi trả tiền phụ cấp thâm niên nhà giáo từ tháng 05/2019 đến tháng 12/2024	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	Chính sách thu hút sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ	Lập bảo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Sửa chữa Khu nhà B trường THPT Đông Thành	Hoạt động chuyên môn (các nhiệm vụ phát sinh do Bộ tổ chức)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>8.691,942</b>	<b>3.368,326</b>	<b>2.712,000</b>	<b>2.132,272</b>	<b>128</b>	<b>97,344</b>	<b>54</b>	<b>200</b>
		$10=11+\dots+17$	11	12	13	14	15	16	17
1	Trường THPT Bạch Đằng	249,961		116	134				
2	Trường THPT Bãi Cháy	163,839			164				
3	Trường THPT Cẩm Phả	82,309			82				
4	Trường THPT Cửa Ông	22,035			22				
5	Trường THPT Đông Thành	238,650			185			54	
6	Trường THPT Đông Triều	37,689			38				
7	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	258,621		250	9				
8	Trường THPT Hoàng Quốc Việt	798,549	470,349	250	78				
9	Trường THPT Hoàng Văn Thụ	121,713			122				
10	Trường THPT Hoành Bồ	27,362			27				
11	Trường THPT Hòn Gai	890,544	571,035	250	70				

12	Trường THPT Lê Chân	219,383					219		
13	Trường THPT Lê Hồng Phong	193,914			184		10		
14	Trường THPT Lê Quý Đôn	7,817					8		
15	Trường THPT Lý Thường Kiệt								
16	Trường THPT Minh Hà								
17	Trường THPT Mông Dương	56,922					57		
18	Trường THPT Ngô Quyền	250			250				
19	Trường PT DTNT THCS và THPT Tỉnh	259,097			250		9		
20	Trường THPT Chuyên Hạ Long	1.257,056	920,869		250		86		
21	Trường THPT Trần Phú	14,796					15		
22	Trường THPT Uông Bí	58,364					58		
23	Trường THPT Vũ Văn Hiếu	262,340			220		42		
24	Trung tâm HN & GDTX Tỉnh	319,232			133		186		
25	Trường THPT Đàm Hà	10,692					11		
26	Trường THCS & THPT Đường Hoa Cương	48,000			48				
27	Trường THCS & THPT Hải Đông	130,135					130		
28	Trường THPT Quảng Hà	74,876					75		

29	Trường THPT Tiên Yên	18,444				18						
30	Trường PT DTNT THCS & THPT Tiên Yên	64,052				64						
31	Trường THPT Ba Chẽ	8,801				9						
32	Trường THPT Bình Liêu	155,636			124	32						
33	Trường THPT Cò Tô	164,765			140	5	20					
34	Trường THCS & THPT Hoàng Mỏ	57,596				10	48					
35	Trường THCS & THPT Quan Lạn	97,616				38	60					
36	Trường THCS & THPT Quảng La	335,597			247	89						
37	Trường THPT Hải Đảo	1.438,197	1.406,073			32						
38	Cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo	297,344								97		200

**PHỤ LỤC SỐ 03: ĐIỀU CHỈNH GIÁM DỤ TOÁN KINH PHÍ MUA SẴM THIẾT BỊ DẠY HỌC TỐI THIỂU CỦA CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Tên đơn vị	Kinh phí đã phân bổ theo quyết định số 934/QĐ-SGDDT ngày 08/8//2024 ( Quyết định 2142/Q)	Kinh phí dự kiến sử dụng trong năm	Trừ tiết kiệm 5% theo QĐ số 2913/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	Kinh phí điều chỉnh giảm	Kinh phí sau điều chỉnh
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.664</b>		<b>83,2</b>	<b>-1.580,8</b>	<b>83,2</b>
1	Trường THPT Bạch Đằng					
2	Trường THPT Bãi Cháy	651,128		32,556	-618,572	32,556
3	Trường THPT Cẩm Phả	150,973		7,549	-143,424	7,549
4	Trường THPT Cửa Ông					
5	Trường THPT Đông Thành					
6	Trường THPT Đông Triều					
7	Trường THPT Hoàng Hoa Thám					
8	Trường THPT Hoàng Quốc Việt					
9	Trường THPT Hoàng Văn Thụ					
10	Trường THPT Hoàng Bò	20,160		1,008	-19,152	1,008
11	Trường THPT Hòn Gai					
12	Trường THPT Lê Chân					
13	Trường THPT Lê Hồng Phong					
14	Trường THPT Lê Quý Đôn					
15	Trường THPT Lý Thường Kiệt					
16	Trường THPT Minh Hà	107,650		5,383	-102,268	5,382
17	Trường THPT Móng Dương					

18	Trường THPT Ngô Quyền		278,848		13,942		-264,906		13,942
19	Trường PT DTNT THCS và THPT Tĩnh								
20	Trường THPT Chuyên Hạ Long								
21	Trường THPT Trần Phú								
22	Trường THPT Ưông Bí								
23	Trường THPT Vũ Văn Hiếu								
24	Trung tâm HN & GDTX Tĩnh		2,420		0,121		-2,299		0,121
25	Trường THPT Đàm Hà								
26	Trường THCS & THPT Dương Hoa Cương								
27	Trường THCS & THPT Hải Đông								
28	Trường THPT Quảng Hà								
29	Trường THCS và THPT Tiên Yên								
30	Trường PT DTNT THCS & THPT Tiên Yên								
31	Trường THPT Ba Chẽ								
32	Trường THPT Bình Liêu								
33	Trường THPT Cô Tô								
34	Trường THCS & THPT Hoành Mô								
35	Trường THCS & THPT Quan Lạn								
36	Trường THCS & THPT Quảng La		452,821		22,641		-430,180		22,641
37	Trường THPT Hải Đảo								
38	Cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo								